

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 21/5/2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Ngô Văn Lâm

2- Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- DS, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST, ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2021/QĐST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số 164 Q, Tổ dân phố E, Thị trấn R, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Nguyễn Thị Minh H ủy quyền cho anh Nguyễn Tấn T tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2020)

2- Bị đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm 1979 và chị Lâm Ngọc Ánh N1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn XA (Nay đổi tên thành thôn DX), xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh T có mặt; chị H, anh N, chị N1 đều vắng mặt

3- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: 162 Q, Tổ dân phố E, Thị trấn R, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Vào ngày 08/02/2018 vợ chồng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1, đều trú tại: Thôn XA, (Nay đổi tên thành thôn ĐX) có mượn tiền của vợ chồng anh T chị H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và hẹn đúng ngày 08/6/2018 sẽ trả đủ. Vợ chồng anh N, chị N1 viết giấy mượn tiền và cùng ký vào giấy mượn tiền, chị Nguyễn Thị Q1 ký làm chứng vào giấy mượn tiền anh N viết. Đến thời hạn vợ chồng anh N vẫn không trả nợ cho vợ chồng anh T; nhiều lần anh T hỏi nợ nhưng vợ chồng anh N đều trốn tránh và không nghe điện thoại.

Nay vợ chồng anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), ngoài ra anh T và chị H không yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đến Tòa án để giải quyết vụ án; nhưng anh N và chị N1 đều vắng mặt, nên không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 150; Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H.

Buộc anh Võ Văn N, chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải trả cho anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H số tiền 140.000.000đ nợ gốc.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Công an xã HT cung cấp thông tin bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn XA (Nay đổi tên thành thôn ĐX), xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NH được quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong “Giấy mượn tiền” lập ngày 08/02/2018; anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 ghi địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn XA, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đơn khởi kiện, anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh N và chị N1.

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 277 và Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”.

Theo điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn”.

Nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho anh Nguyễn Tấn T biết về nơi cư trú mới, nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Qua xác minh, chủ tịch UBND xã HT cho biết anh N và chị N1 vẫn còn hộ khẩu thường trú tại thôn XA (Nay đổi tên thôn ĐX) xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng anh N và chị N1 không có mặt tại địa phương và cũng không báo địa phương về việc thay đổi nơi cư trú, nên địa phương không biết địa chỉ nơi cư trú mới của anh N và chị N1.

Tại phiên tòa ngày 23/4/2021 anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết

định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 21/5/2019 anh N và chị N1 vắng mặt, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh N và chị N1.

[3] Anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền” lập ngày 08/02/2018 có tên người viết giấy và ký giấy mượn tiền là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1, có người làm chứng là chị Nguyễn Thị Q1, đã quá ngày hẹn trả nợ nhưng anh N chị N1 không trả nợ, nên anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T và chị H không yêu cầu anh N và chị N1 phải trả tiền lãi do chậm trả, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1, Tòa án cũng đã thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật, nhưng anh N và chị N1 không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) (140.000.000đ x 5%) theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 40; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H.

Buộc anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải trả cho anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải nộp 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004648 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NH.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thi Thơ